TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T PH
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày: 16-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T PH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hồng Tuân-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Dương Thị Bích H, sinh năm 1982 tại huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nơi cư trú khu phố Trung Tín 1, thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M và bà Phan Thị Kim H; chồng là anh Huỳnh Ngọc D; có 01 con sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13 tháng 01 năm 2021 đến ngày 29 tháng 01 năm 2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh; có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Hồ Xuân Th, sinh năm 1990; có mặt.

2. Chị Hồ Thị Th, sinh năm 1990; vắng mặt.

Đồng trú tại: Thôn Ph S, xã Phước Sơn, huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1982; nơi cư trú khu phố Tr T 1, thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1971; nơi cư trú thôn Ph S, xã Phước Sơn, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Chị Dương Thị Lệ T, sinh năm 1976; nơi cư trú thôn V H, xã Ph L, huyện T Ph, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

3. Bà Lương Thị Lê L, sinh năm 1964; nơi cư trú số nhà 223/31 đường T S, phường Q Tr, thành phố Q Nh, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

4. Anh Đào Thanh K, sinh năm 1992; nơi cư trú tổ 22, khu vực 4, phường ĐĐ, thành phố Q N, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

5. Chị Phan Thị Tuyết Tr, sinh năm 1979; nơi cư trú số nhà 37/21 đường Nguyễn H, thành phố Q N, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

6. Ông Trần Công T, sinh năm 1962; nơi cư trú 223/31 T S, phường Quang T, thành phố Q N, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến năm 2016, bị cáo Dương Thị Bích H kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng bị thua lỗ, nợ tiền của nhiều người. Để có tiền trả nợ, bị cáo nói dối với người khác là bị cáo đang kinh doanh mua bán khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, thuốc về thẩm mỹ nên có nhu cầu huy động tiền vốn để kinh doanh nhưng thực tế bị cáo không kinh doanh mua bán các sản phẩm này.

Khoảng đầu tháng 01 năm 2020, qua mối quan hệ xã hội, bị cáo quen biết với vợ chồng anh Nguyễn Hồ Xuân T, chị Hồ Thị Th. Để có tiền trả nợ, bị cáo nói dối với vợ chồng anh T, chị Th là đưa tiền cho bị cáo để bị cáo kinh doanh mua bán khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, thuốc về thẩm mỹ; lợi nhuận được chia từ 05% đến 25%, thời gian thu hồi vốn và chia lợi nhuận là từ 07 ngày đến 30 ngày tùy theo từng đơn hàng. Vợ chồng anh T, chị Th tin là thật nên đã nhiều lần đưa tiền cho bị cáo. Cụ thể, từ ngày 09 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 04 năm 2020, anh T đã đưa tiền cho bị cáo tổng cộng 63 lần, với tổng số tiền là 1.063.050.000 đồng; chị Th đã đưa tiền cho bị cáo H tổng cộng 15 lần, với tổng số tiền là 359.700.000 đồng. Xen giữa các lần anh T đưa số

tiền trên cho bị cáo thì bị cáo đưa lại tiền cho anh T tổng cộng 38 lần, với tổng số tiền là 777.369.000 đồng; bị cáo đưa lại tiền cho chị Th tổng cộng 12 lần, với tổng số tiền là 224.200.00 đồng. Đến ngày 30/04/2020, bị cáo còn nợ vợ chồng anh T, chị Th số tiền 421.181.000 đồng. Vì bị cáo không trả số tiền còn nợ nên ngày 22/5/2020, vợ chồng anh T, chị Th đã gửi đơn tố cáo bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Từ ngày 02/8/2020 đến ngày 17/12/2020, bị cáo đã trả lại cho vợ chồng anh T, chị Th số tiền 139.000.000 đồng, còn nợ số tiền 282.181.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã trả cho vợ chồng anh T, chị Th số tiền đã chiếm đoạt 282.181.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T Ph còn tiếp nhận đơn tố giác của bà Lương Thị Lê L tố cáo bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Ly số tiền 4.000.000.000 đồng nhưng qua điều tra chưa có đủ tài liệu, chứng cứ để kết luận bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên của bà Lương Thị Lê L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T Ph tách nội dung tố giác về tội phạm của bà Lương Thị Lê L để tiếp tục xác minh; nếu có dấu tội phạm sẽ tiến hành điều tra, xử lý bằng một vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKS-TP ngày 21 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Dương Thị Bích H về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Dương Thị Bích H phạm tội*"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên đề ghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Dương Thị Bích H nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi do hành vi phạm tội của bị cáo đối với bị hại. Bị cáo xin lỗi người bị hại; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì hiện nay bị cáo còn phải nuôi con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T Ph, tỉnh Bình Định; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định; Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị Bích H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định đã truy tố. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại và trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định do làm ăn thua lỗ, cần tiền trả nợ nên bị cáo Dương Thị Bích H đã thực hiện hành vi lừa đảo người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của họ; cụ thể bị cáo nói dối với người khác là đang kinh doanh mua bán khẩu trang y tế, nước sát khuẩn, thuốc về thẩm mỹ và cần huy động vốn để kinh doanh. Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với bị hại vợ chồng anh Nguyễn Hồ Xuân T, chị Hồ Thị Th nên bị cáo nói dối với vợ chồng anh T, chị Th đưa tiền cho bị cáo để bị cáo kinh doanh, lợi nhuận được chia từ 05% đến 25%, thời gian thu hồi vốn và chia lợi nhuận từ 07 đến 30 ngày tùy theo đơn hàng. Vì tin lời bị cáo nên trong thời gian từ ngày 09/01/2020 đến ngày 17/12/2020 vợ chồng anh T, chị Th đã đưa tiền cho bị cáo 78 lần với số tiền là 1.422.750.000 đồng; bị cáo H đưa tiền lại cho vợ chồng anh T, chị Th 40 lần, với số tiền 1.001.569.000 đồng gọi là tiền thu hồi vốn và lợi nhuận được chia. Đến ngày 30 tháng 4 năm 2021 bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng anh T, chị Th số tiền 421.181.000 đồng. Sau khi vợ chồng anh T, chị Th tố giác hành vi phạm tội của bị cáo thì từ ngày 02/8/2020 đến ngày 17/12/2020 bị cáo đã trả cho vợ chồng anh T, chị Th số tiền 139.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 282.181.000 đồng. Vì vậy có căn cứ xác định bị cáo Dương Thị Bích H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại vợ chồng anh T, chị Th với số tiền 421.181.000 đồng.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Dương Thị Bích H là người có khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ gây Thệt hại đến tài sản của người khác. Nhận thức được như vậy nhưng với mục đích để có tiền trả nợ nên bằng thủ đoạn gian dối bị cáo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng anh Nguyễn Hồ Xuân T, chị Hồ Thị Th số tiền 421.181.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của công dân mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và xét thấy bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật mà bị cáo đã phạm. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng có thể giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[6] Xét về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng…", nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Dương Thị Bích H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3. Xử phạt bị cáo Dương Thị Bích H 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 16 tháng 12 năm 2021).

Giao bị cáo Dương Thị Bích H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T Ph, huyện T Ph, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Dương Thị Bích H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Th hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Dương Thị Bích H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Dương Thị Bích H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Thị Bích H phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, bị hại anh Nguyễn Hồ Xuân T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 16 tháng 12 năm 2021). Bị hại chị Hồ Thị Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Công an huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Chi cục Th hành án dân sự huyện T Ph, tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Minh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**